

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ML
TỈNH SL

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc

Bản án số: 01/2021/DS-ST
Ngày 12-01-2021
V/v: Tranh chấp hợp đồng thuê
khoản tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ML, TỈNH SL

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Quàng Văn Màng.

2. Bà Nguyễn Thị Hương.

- Thư ký phiên tòa: Ông Quàng Công Thành - Thư ký Tòa án nhân dân huyện ML, tỉnh SL.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện ML tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Thế Hùng - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 17 tháng 12 năm 2020 và ngày 12 tháng 01 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện ML, tỉnh SL, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 01/2020/TLST-DS ngày 06 tháng 10 năm 2020 về tranh chấp hợp đồng thuê khoản tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/QĐXXST-DS ngày 27 tháng 11 năm 2020, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông LVH, trú tại: Bản PB, xã MB, huyện ML, tỉnh SL. Có mặt.

2. *Bị đơn:* Anh LVD, trú tại: Bản NP, xã PT, huyện ML, tỉnh SL. Có mặt tại phiên tòa ngày 17 tháng 12 năm 2020; vắng mặt tại phiên tòa ngày 12 tháng 01 năm 2021.

3. *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

Anh LVĐ, trú tại: Bản NN, xã PT, huyện ML, tỉnh SL. Vắng mặt.

Anh QCM, trú tại: Bản NH, thị trấn IO, huyện ML, tỉnh SL. Có đề nghị xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và bản tự khai nguyên đơn ông LVH trình bày:

Ngày 13/02/2020 ông và anh LVD, trú tại bản NP, xã PT, huyện ML, tỉnh SL có thỏa thuận thuê khoán máy súc, giá 40.000.000, đồng 1 tháng, thời gian thuê là 02 tháng. Thời gian thanh toán trả tiền thuê là 15 ngày một lần. Lái máy do bên cho thuê và trả tiền công cho lái máy. Quá trình hai bên thực hiện hợp đồng: Sau khi nhận máy súc đã làm đến ngày 30/3/2020, nhưng do anh LVD không trả đúng tiền thuê, nên ông đã lấy lại máy và hai bên lập biên bản vào ngày 30/3/2020 và hai bên xác nhận anh LVD phải thanh toán trả tiền thuê máy cho ông là 60.000.000, đồng đã trả được 35.800.000, đồng, còn nợ ông tiền thuê máy là 18.000.000, đồng và hẹn trả vào ngày 10/4/2020.

Ông LVH trình bày về việc anh LVD yêu cầu trừ đi các khoản tiền dầu thủy lực 1.170.000, đồng và tiền thuê lái máy là 3.300.000, đồng như sau: Tại biên bản ngày 30/3/2020 và hai bên xác nhận anh LVD phải thanh toán trả tiền thuê máy cho ông là 60.000.000, đồng đã trả được 35.800.000, đồng, đáng nhẽ còn nợ ông 24.200.000, đồng do hai bên thống nhất trừ đi cả hai khoản trên, nên còn nợ ông tiền thuê máy là 18.000.000, đồng. Nếu anh LVD cung cấp được giấy tờ hai bên ký kết ông còn nợ các khoản trên thì ông nhất trí đối trừ.

Ông LVH trình bày về việc anh LVD yêu cầu trừ đi khoản tiền nợ anh trai là LVĐ là 4.500.000, đồng. Ông LVH công nhận nợ anh LVĐ 5.500.000, đồng cho rằng đã trả được 2.000.000, đồng trả gửi qua anh Quánh Công Miến và nhất trí trừ đi 3.500.000, đồng. Do Anh LVĐ cho rằng ông đã trả được 1.000.000, đồng và nhất trí trừ đi 4.500.000, đồng. Hai bên nhất trí không trừ khoản nợ này nữa và đề giải quyết sau.

Nay ông yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc anh LVD phải thanh toán trả cho ông tiền nợ thuê máy súc là 18.000.000, đồng.

Ông LVH cung cấp chứng cứ gồm: 01 “Hợp đồng thuê máy” bản viết tay đề ngày 13/02/2020; “Biên bản nợ tiền máy súc cho thuê” ngày 30/3/2020.

Bị đơn anh LVD trình bày:

Anh công nhận giữa anh và ông LVH thỏa thuận thuê máy súc như ông LVH trình bày. Quá trình thực hiện hợp đồng sau khi nhận máy súc đã làm đến ngày 30/3/2020. Số tiền anh đã thanh toán trả cho ông LVH là 35.800.000, đồng. Nay ông LVH yêu cầu buộc anh phải thanh toán trả cho ông tiền nợ thuê máy súc là 18.000.000, đồng anh không nhất trí và yêu cầu trừ đi các khoản tiền dầu thủy lực 1.170.000, đồng và tiền thuê lái máy là 3.300.000, đồng và trừ đi khoản tiền nợ anh trai anh là LVĐ là 4.500.000, đồng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh LVĐ trình bày: Anh cho ông LVH vay số tiền 5.500.000, đồng. Anh LVĐ cho rằng ông LVH đã trả được

1.000.000, đồng và nhất trí trừ đi 4.500.000, đồng. Do hai bên không thống nhất được, nên hai bên nhất trí không trừ khoản nợ này nữa và để giải quyết sau, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của Kiểm sát viên:

Việc áp dụng pháp luật tố tụng dân sự của Thẩm phán và Hội đồng xét xử đúng quy định.

Về nội dung: Căn cứ Điều 483; Điều 484, Điều 488 của Bộ luật Dân sự; Điều 267 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về Án phí, Lệ phí Tòa án:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông LVH.

Buộc anh LVD trả số tiền thuê máy súc là 18.000.000, đồng cho ông LVH.

Về án phí anh LVD phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Xét về yêu cầu của nguyên đơn ông LVH, yêu cầu anh LVD phải thanh toán trả cho ông tiền nợ thuê máy súc là 18.000.000, đồng.

Xét hợp đồng thuê máy súc giữa ông LVH và anh LVD là hợp đồng thuê khoán tài sản. Anh LVD đã nhận máy để khai thác công dụng và được hưởng lợi. Trong quá trình thực hiện hợp đồng anh LVD đã vi phạm nghĩa vụ trả tiền thuê khoán, theo thỏa thuận bên thuê khoán phải trả tiền 15 ngày một lần, nhưng sau sử dụng máy để khai thác công dụng từ ngày 13/02/2020 đến ngày 30/3/2020 đã thanh toán trả cho ông LVH là 35.800.000, đồng. Số tiền thuê máy anh LVD phải thanh toán trả là 60.000.000, đồng.

Căn cứ biên bản ngày 30/3/2020 và hai bên xác nhận anh LVD phải thanh toán trả tiền thuê máy cho ông LVH là 60.000.000, đồng đã trả được 35.800.000, đồng, đáng nhẽ còn nợ ông LVH 24.200.000, đồng do hai bên thống nhất trừ đi các khoản, nên còn nợ ông LVH tiền thuê máy là 18.000.000, đồng.

[2] Xét yêu cầu của anh LVD yêu cầu trừ đi các khoản tiền dầu thủy lực 1.170.000, đồng và tiền thuê lái máy là 3.300.000, đồng. Hội đồng xét xử đã chấp nhận ngưng phiên tòa để anh LVD cung cấp tài liệu chứng cứ đối với yêu cầu trên, nhưng không cung cấp được.

[3] Xét yêu cầu của anh LVD yêu cầu trừ đi khoản tiền anh LVD cho ông LVH vay số tiền 5.500.000, đồng. Anh LVD cho rằng ông LVH đã trả được 1.000.000, đồng và nhất trí trừ đi 4.500.000, đồng. Còn ông LVH cho rằng đã trả cho anh LVD 2.000.000, đồng, trả gửi qua anh Quánh Công Miến. Do các bên không thống nhất được, nên hai bên nhất trí không trừ khoản nợ này nữa và để giải quyết sau, không yêu cầu Tòa án giải quyết, cần chấp nhận.

Căn cứ Điều 5 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án không giải quyết phần nợ giữa anh LVD với ông LVH nêu trên trong vụ án này. Các đương sự có quyền yêu cầu và được giải quyết bằng vụ án khác.

Do đó anh LVD và anh QCM không là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án này.

Từ những phân tích, đánh giá chứng cứ nêu trên. Và căn cứ Điều 483; Điều 484, Điều 488 của Bộ luật Dân sự năm 2015, có đủ căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông LVH, yêu cầu anh LVD trả số tiền thuê máy súc là 18.000.000, đồng.

Anh LVD phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 483; Điều 484, Điều 488 của Bộ luật Dân sự; Điều 267 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về Án phí, Lệ phí Tòa án:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông LVH.

2. Buộc anh LVD trả số tiền thuê máy súc là 18.000.000, đồng (mười tám triệu đồng) cho ông LVH.

3. Về án phí:

Anh LVD phải chịu 900.000 đồng (chín trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho ông LVH 450.000 đồng (bốn trăm năm mươi nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0004021 ngày 06/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện ML, tỉnh SL.

Báo ông LVH biết được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, ngày 12/01/2021.

Do anh LVD vắng mặt khi tuyên án, báo cho anh LVD được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành

án hoặc bị cưỡng chế thi hành án tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án”.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh SL;
- VKSND huyện ML (2);
- Chi cục THADS huyện ML;
- Các đương sự (2);
- Lưu: Hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**
(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Nguyễn Minh Tuấn